CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN THỦY NÔNG TÂY NAM BỘ CỦA CHÍNH QUYỀN VIỆT NAM CỘNG HÒA (1955 - 1975)

ĐẶNG NHƯ THƯỜNG*
NGUYỄN NGỌC HUYỀN**

1. Yêu cầu phát triển thủy nông ở khu vực Tây Nam Bộ

Tây Nam Bộ là khu vực có điều kiện tự nhiên thuận lợi cho phát triển nông nghiệp, đặc biệt là cây lúa. Do nhu cầu phục vụ đời sống, phát triển kinh tế xã hội nên ngay từ lúc Tây Nam Bộ sáp nhập vào lãnh thổ nước ta cho đến hiện nay, việc đào kênh, mương dẫn nước để tưới tiêu đồng ruộng được thực hiện thường xuyên, liên tục qua các thời kỳ lịch sử.

Mở đầu là thời kỳ Tây Nam Bộ thuộc quyền quản lý của nhà Nguyễn (1802 - 1867), chính quyền đã thực hiện nhiều biện pháp nhằm phát triển các công trình thủy nông thông qua việc đào vét, mở rộng các tuyến kênh chiến lược như: kênh Thoại Hà, kênh Long An, kênh Vĩnh Tế… Nhờ đó, công cuộc khai hoang vùng Tây Nam Bộ được đẩy mạnh, đảm bảo yêu cầu phát triển kinh tế và phòng thủ vùng biên giới, khẳng định chủ quyền lãnh thổ quốc gia.

Năm 1867, sau khi chiếm Tây Nam Bộ, với phương châm khai thác để phục vụ cho chính quốc, thực dân Pháp đã tiến hành đầu tư vào thủy nông nhằm khai thác vùng đất giàu tiềm năng này. Hàng loạt các tuyến kênh trục đã được Pháp cho nạo vét và đào mới như kênh Ba Thê, kênh Tám Ngàn, kênh Tri Tôn, kênh Cần Thảo, kênh Đào, kênh Thần Nông, kênh Vàm Xáng…, nhằm đáp ứng mục tiêu kinh tế, quân sự và giao thông. Các tuyến kênh đào đã góp phần mở rộng diện tích canh tác ở những vùng trước đây bị bỏ hoang hóa do chưa có kênh mương dẫn nước (vùng tứ giác Long Xuyên) hoặc hoàn thành khai hoang một cách thuận lợi (vùng giữa sông Tiền và sông Hậu). Song song với việc đào, vét các kênh mương, các tuyến vận tải đường thủy mới được hình thành, vừa đảm bảo vận chuyển lúa gạo từ vùng sản xuất đến nơi tiêu thụ, vừa góp phần chuyển quân đàn áp các cuộc đấu tranh của nhân dân.

Năm 1955, ngay sau khi lên nắm chính quyền, Chính phủ Việt Nam Cộng hòa (qua các đời Tổng thống) đã nhận thức rõ lợi ích của thủy nông đối với sự phát triển kinh tế, quốc phòng. Trong *Bản Kế hoạch phát triển giao thông thủy nông, công lộ, quân sự Nam Phần Việt Nam*, Chính phủ khẳng định: "Muốn phát triển triệt để Nam Phần Việt Nam, cần phải khai thác hết miền Đông và miền Tây. Miền Đông khai thác lâm sản, cao su, cây kỹ nghệ, khuyến khích chăn nuôi. Miền Tây khai phá hết vùng

*TS. Trường Sư phạm, Trường Đại học Vinh
**ThS. Trường Đại học Vinh

Đồng Tháp, Rạch Giá, Hà Tiên, Cà Mau, trồng lúa và phó sản để tiến tới kỹ nghệ hóa nông sản, kỹ nghệ hóa nước nhà". Để đạt được mục đích trên, Chính phủ Việt Nam Cộng hòa cho rằng "phải đặt lại cấp bách kế hoạch thủy nông, công lộ, cách mạng hóa hệ thống giao thông, kênh lộ sao cho được tân tiến, giản tiện, vừa dẫn thủy thoát phèn, vừa ích lợi về mặt thông thương thủy bộ, cùng quân sự" (1). Chính vì thế, trong suốt thời gian tồn tại (1955 - 1975), Chính phủ Việt Nam Cộng hòa đã ban hành nhiều chính sách phát triển thủy nông liên quan đến khu vực Tây Nam Bộ.

2. Chính sách phát triển thủy nông Tây Nam Bộ của Chính phủ Việt Nam Cộng hòa (1955-1975)

Sau khi lên nắm chính quyền, Chính phủ Việt Nam Cộng hòa đã phối hợp với Bộ Công chánh và Giao thông để ban hành nhiều chính sách liên quan đến phát triển thủy nông Tây Nam Bộ thông qua các chương trình nghiên cứu, các dự án đào vét kênh rạch, dẫn thủy nhập điền; hoặc các kế hoạch đầu tư tài chính, tìm kiếm viện trợ và hướng dẫn đấu thầu các công trình thủy nông... trong phạm vi của từng địa phương cụ thể ở Tây Nam Bộ hoặc trên phạm vi toàn khu vực.

** Các chương trình nghiên cứu, các dự án đào vét kênh rạch, dẫn thủy nhập điền.*

Các chương trình nghiên cứu, các dự án đào vét kênh rạch, dẫn thủy nhập điền được Chính phủ Việt Nam Cộng hòa ban hành đối với từng địa bàn cụ thể như Kiên Giang, Quản Lộ - Phụng Hiệp, Ba Xuyên, An Xuyên, Đồng Tháp Mười… và trên phạm vi toàn khu vực.

Tại tỉnh Kiên Giang: Chính sách thủy nông của Chính phủ Việt Nam Cộng hòa được ban hành và thực hiện thông qua dự án Công trình vét kênh Rọc - Bà Ke từ đường Liên Tỉnh số 8 đến kênh Chưng Bầu tỉnh Kiên Giang bằng phương thức đấu thầu. Chủ đầu tư và chủ thầu Trần Văn Tự đã cùng với ông Trần Ngọc Oanh - Chánh Kỹ sư, Trưởng Khu Thủy nông tại Nha Tổng Giám đốc Công chánh Việt Nam ký tên vào bản *Khế ước tương thuận* ngày 3/5/1957. Bản *Khế ước tương thuận* này gồm có 2 chương, 29 mục, trong đó có những nội dung liên quan đến kênh Rọc - Bà Ke, cụ thể: Mục đích dự án là thi hành công tác vét kênh Rọc - Bà Ke từ đường Liên Tỉnh số 8 đến kênh Chưng Bầu tỉnh Kiên Giang (mục 1); Đất vét kênh phải mang ra một bên, cách bờ kênh 5m và đắp thành lộ đi, cao 1m50, rộng 4m (mục 5); Công tác phải hoàn thành trong thời hạn bốn mươi lăm (45) ngày kể từ ngày nhận được lệnh khởi công (mục 21); Tổng kinh phí dự trữ thi hành công tác nói trên là hai triệu hai trăm ba mươi bảy ngàn hai trăm năm chục đồng (2.237.250$00) không kể hai trăm sáu mươi hai ngàn bảy trăm năm chục đồng (262.750$00) ngoại phụ" (mục 10) (2).

Tại vùng Quản Lộ - Phụng Hiệp (bao gồm các tỉnh Hậu Giang, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau): Chính sách thủy nông của Chính phủ Việt Nam Cộng hòa được ban hành thông qua dự án nghiên cứu dẫn thủy nhập điền tại vùng Quản Lộ - Phụng Hiệp theo công văn số 4541-CC, ngày 01/10/1957. Bản *Dự án nghiên cứu dẫn thủy nhập điền tại vùng Quản Lộ - Phụng Hiệp* nhấn mạnh: Trong kế hoạch khuếch trương nông nghiệp tại Nam Phần hiện nay có hai vùng Đồng Tháp Mười và Quản Lộ - Phụng Hiệp rất quan trọng, đáng chú ý nhất vì diện tích rộng lớn, nhưng thật sự cả hai vùng này đều ở trong tình trạng sơ khai. Dưới thời Pháp, từ năm 1945 trở lại, riêng vùng Đồng Tháp Mười đã được họ khảo sát rộng rãi và lập được một tiểu dự án khai khẩn. Còn ở vùng Quản Lộ - Phụng

Hiệp, sau khi sưu tầm và nghiên cứu hồ sơ tài liệu cho thấy dự án này chỉ mới được ông Jamme - Chánh Kỹ sư, Trưởng Khu Thủy nông thời bấy giờ vạch ra trên giấy tờ, hoạch định một chương trình khảo sát tiên khởi vào tháng 11 năm 1944. Công việc khảo sát vừa xúc tiến được hai tháng thì gặp cuộc đảo chính của Nhật (9/3/1945) nên phải bỏ dở đến ngày nay (3). Như vậy, muốn đặt một hệ thống dẫn thủy nhập điền hiệu quả, vùng Quản Lộ - Phụng Hiệp cần phải được nghiên cứu lại kỹ càng và phải mất thời gian nhiều năm liên tục. Do vậy, để bắt đầu, giải pháp thiết thực trước hết là nên lấy một khu vực nhỏ của vùng này làm thí nghiệm cho dự án dẫn thủy bằng máy bơm nước. Nếu có kết quả khả quan thì công tác nghiên cứu tổng quát sẽ được tiến hành ngay sau đó.

Tại tỉnh An Xuyên (nay là tỉnh An Giang): Chính sách thủy nông của Chính phủ Việt Nam Cộng hòa được ban hành thông qua bản *Kế hoạch về việc vét kênh tại U Minh Thới Bình* của Bộ trưởng Bộ Công chánh và Giao thông đệ trình lên Tổng thống Việt Nam Cộng hòa vào ngày 9/10/1957. Bản kế hoạch chỉ rõ: Khu U Minh Thới Bình có diện tích khoảng 11.000 mẫu Tây. Vùng này mưa nhiều, trung bình hàng năm có thể lên tới 2 th.500. Đến mùa mưa, nhiều nơi nước ngập tới 60 phân, việc giao thông chỉ có thể thực hiện bằng đường thủy... Do vậy, tại vùng này, vấn đề quan trọng về thủy nông là thoát nước mưa và ngăn nước mặn. Với hệ thống kênh rạch hiện có, việc này có thể giải quyết bằng cách vét lại những kênh rạch cho đúng kích thước. Công tác vét kênh có thể thực hiện bằng hai phương pháp: vét bằng xáng và vét bằng tay. Tổng kinh phí thực hiện là 45.000.000$. Kinh phí này có thể lấy trong ngân khoản của Phủ Tổng ủy Di cư về viện trợ Mỹ năm 1956 - 1957 (4).

Tại khu vực Đồng Tháp Mười (bao gồm các tỉnh Long An, Tiền Giang, Đồng Tháp): Chính sách thủy nông của Chính phủ Việt Nam Cộng hòa được ban hành thông qua Công văn số 5826-CC về *Chương trình đào kênh và khai thác thủy nông tại vùng Đồng Tháp Mười*, ngày 9/12/1957. Trong đó nhấn mạnh: Chương trình đào kênh và khai thác thủy nông tại vùng Đồng Tháp Mười sẽ được tiến hành với tổng số tiền 50 triệu trích ra từ ngân khoản 200 triệu của Quỹ Di cư để nạo vét các kênh như: kênh Tháp Mười (vùng Đồng Tháp Mười), kênh Cái Lớn Sông Trẹm (vùng U Minh), kênh số 5 và số 7 (vùng U Minh) (5).

Tại tỉnh Ba Xuyên (nay là tỉnh Sóc Trăng): Chính sách thủy nông của Chính phủ Việt Nam Cộng hòa được ban hành thông qua kế hoạch *Nghiên cứu, khảo sát Thủy nông và địa chất học tại vùng Mỹ phước, tỉnh Ba Xuyên* trong công văn số 5150/NTVTN, ngày 23/12/1959, do Giám đốc Nha Thủy vận và Thủy nông đệ trình lên Bộ trưởng Bộ Công chính và Giao thông. Công văn khẳng định, việc nghiên cứu, khảo sát thủy nông và địa chất học tại vùng Mỹ phước, tỉnh Ba Xuyên sẽ tiến hành qua 3 giai đoạn: khảo sát nông thổ do hãng thầu Sogréah đảm nhận, kinh phí là 700.000$ lấy từ ngân sách quốc gia tài khóa năm 1959; khảo sát toàn diện, kinh phí là 22.000.000 quan tiền Pháp (do Pháp viện trợ trong chương trình nghiên cứu lưu vực sông Cửu Long); lập dự án kỹ thuật và hồ sơ đấu thầu thực hành công tác, kinh phí là 35.000.000 quan tiền Pháp (tương đương 70.000$US) (6).

Song song với việc ban hành các chính sách phát triển thủy nông ở các địa bàn cụ thể của Tây Nam Bộ, Chính phủ Việt Nam Cộng hòa còn phối hợp với Bộ Công chánh và Giao thông xây dựng các chính sách tổng thể về phát triển thủy nông ở Nam

Phần Việt Nam (trong đó có Tây Nam Bộ). Trong *Bản Kế hoạch phát triển giao thông thủy nông, công lộ, quân sự Nam Phần Việt Nam*, ngày 16/11/1961, Chính phủ đã chỉ rõ: "… nước Pháp để lại cho chúng ta một nền giao thông thủy nông, công lộ nghèo nàn, không quan trọng, chưa đầy đủ. Trong mười năm kháng chiến, hệ thống này bị phá hoại, hư hao phần lớn" (7). Do đó, nhìn vào bản đồ lúc bấy giờ, "vùng Đồng Tháp hầu như không có lộ, chỉ nhờ đường thủy giao thông như kênh Lagrange, kênh Tháp Mười, kênh Tổng đốc Lộc, kênh 12, kênh 4bis…, cho nên 80 năm qua, Đồng Tháp chưa được khai thác; vùng Châu Đốc, Long Xuyên, Hà Tiên chỉ có một con đường vòng Long Xuyên, chạy ngang qua Cần Thơ, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau, đi mất thì giờ, vòng quanh hết các tỉnh; hệ thống giao thông công lộ thời Pháp thuộc dường như chỉ phục vụ một phần lớn cho quyền lợi của thực dân, các chủ đồn điền Pháp; còn ở thôn quê dân ta đi thì đi xuồng, ghe, bơi chèo, cực khổ; đường lộ thì noi theo đường mòn, lau sậy mọc đầy đầu; chợ búa không có, chỉ có tại tỉnh, quận, trường học ở đầu làng, một lớp dạy đủ cỡ" (8). Do vậy, Chính phủ Việt Nam Cộng hòa ban hành nhiều chính sách phát triển Nam phần Việt Nam (bao gồm cả Tây Nam Bộ) thông qua bản *Kế hoạch phát triển giao thông thủy nông, công lộ, quân sự Nam Phần Việt Nam*, cụ thể:

Về đường bộ: phía giáp ranh Cao Miên, ta phải đào kênh, làm chiến hào, đắp lộ làm chiến lũy, xây dựng đồn bốt kiên cố bao bọc đất nước, từ Hà Tiên qua Châu Đốc, Tân Châu, Hồng Ngự, Mộc Hóa, Vàm Cỏ Tây, Vàm Cỏ Đông, Gò Dầu Hạ, Tây Ninh, Lò Gò, Katurn tới Hớn Quản…

Về hải đảo: phía biển Thái Bình Dương, ta đắp đê ven theo miền duyên hải, làm lộ từ Hà Tiên, Rạch Giá xuống mũi Cà Mau qua phía mặt Gành Hào, Vĩnh Châu, Mỹ Thanh, các cù lao nhánh sông Tiền Giang, sông Nhà Bè tới Vũng Tàu, di dân làm ruộng lúa, ruộng muối, lập làng mạc cho ngư phủ, xây dựng ngư cảng, hải cảng; đồng thời, giải tỏa Sài Gòn - Chợ Lớn, lập thêm hải cảng, thương cảng, quân cảng miền Hậu Giang, Tiền Giang như làm hải cảng tại sông Ông Đốc, thương cảng Cần Thơ cho Hậu Giang, thương cảng Vĩnh Long, Mỹ Tho cho Tiền Giang và Đồng Tháp... Tàu bè ngoại quốc ghé lại sông Ông Đốc hay chạy vào Mỹ Tho, Cần Thơ, Vĩnh Long dễ dàng, buôn bán thuận tiện, ít mất thì giờ, bớt sở phí vận tải, hạ được giá thành, cạnh tranh với thị trường ngoại quốc có hiệu lực, thay vì tập trung tại Sài Gòn, xa xôi, tốn kém, nhiều sở phí chuyên chở (9).

Bên cạnh đó, Chính phủ Việt Nam Cộng hòa còn phối hợp với Bộ Công chánh và Giao thông ban hành chính sách phát triển thủy nông Tây Nam Bộ thông qua *Chương trình phát triển Đồng bằng sông Cửu Long* vào ngày 20/5/1969. Trong đó nhấn mạnh: cho đến nay, việc khai khẩn đất đai và công tác trị thủy tại vùng đồng bằng sông Cửu Long được thực hiện một cách rời rạc, không căn bản kỹ thuật và không chú trọng đến tiềm năng phát triển của toàn vùng đồng bằng. Hệ thống kênh đào chỉ nhằm vào mục đích giao thông vận tải và khai khẩn một số ruộng đất. Trong khi đó, phần lớn ruộng đất ở đồng bằng sông Cửu Long bị ngập lụt và nước mặn xâm nhập (10). Do vậy, vùng đồng bằng sông Cửu Long cần được khai khẩn theo một kế hoạch toàn bộ cho vùng; phối hợp giữa việc khai khẩn đất đai với công tác trị thủy toàn vùng. Có thể nói, không thể chia ra từng vùng nhỏ để giải quyết riêng rẽ từng khía cạnh của vấn đề quản trị thủy lợi, đồng thời giải quyết nhiều mục tiêu cùng lúc như dẫn thủy nhập điền và canh nông, thoát thủy và chống lụt, giao thông vận tải

và cấp thủy. Tất cả các mục tiêu về quản trị thủy lợi cần liên kết với nhau và phối trí trong một bản kế hoạch chung cho toàn bộ vùng đồng bằng sông Cửu Long. Trên cơ sở đó, *Chương trình phát triển Đồng bằng sông Cửu Long* đã được nghiên cứu nhằm phối hợp các mục tiêu quản trị thủy lợi và đi đến đề nghị đắp đê để bảo vệ vùng đồng bằng chia theo 6 vùng lớn. Tại những nơi thường bị ngập lụt, hệ thống đê điều nhằm mục tiêu chống lụt; tại những vùng bị nước mặn, các kênh rạch sẽ được lập lại để chống nước mặn tràn vào ruộng. Hệ thống kênh đào được sử dụng để dẫn thủy nhập điền hoặc thoát thủy, đồng thời thỏa mãn nhu cầu giao thông vận tải. Đây là một kế hoạch đại quy mô, dài hạn và quan trọng vì có ảnh hưởng đến đời sống của trên 6 triệu dân (khoảng 1/3 dân số toàn quốc). Riêng trong 10 năm đầu, kế hoạch sẽ thực hiện trị thủy trên 425.000 ha tại vùng Châu Đốc, An Giang, với kinh phí khoảng 400 triệu Mỹ kim (11).

Như vậy, để phát triển Nam Phần Việt Nam (trong đó có Tây Nam Bộ), Chính phủ Việt Nam Cộng hòa xác định rõ cần phải chú trọng đến ba phương diện thủy nông, công lộ và quân sự. Bởi theo kinh nghiệm từ xưa đến nay, nước nào muốn phát triển về mọi phương diện thì phải chú trọng "cách mạng hóa" hệ thống thủy nông, công lộ. Trong đó, lấy công tác kênh lộ làm trọng tâm, vừa đào kênh, vừa lấy đất đào kênh dùng đắp đường; đắp đường rộng lớn, làm xa lộ, cho xe cộ chạy một chiều, ít tai nạn, rút ngắn thì giờ; làm nhiều đường hỏa xa (thiết lộ) cập theo các con lộ dự đào; nhất cử sẽ là tam tứ tiện, vì nước ta nghèo, tài chính không đủ cung cấp cho công tác riêng rẽ; kênh xáng nào đào lâu rồi phải ủi đất ban đất, bồi đắp bằng phẳng, sửa mé kênh, tráng đá làm lộ; lộ nào có rồi thì cần đào thêm hai bên lề, hai con kênh song song với lộ, để đem nước ngọt vào ruộng, khuyến khích đa canh, thoát nước khi không cần thiết, hay thoát phèn nếu có; đặt hệ thống kênh lộ theo hình rẽ quạt, lấy các trung tâm đô thị làm cứ điểm; khu Đồng Tháp sẽ lấy Gãy Cờ Đen làm trung tâm kinh đô cho vùng Đồng Tháp, đặt tên là thủ đô Tháp Mười hay Thiên Hộ; về dẫn thủy nhập điền, lấy cứ điểm Châu Đốc, Long Xuyên, Sa Đéc, Cần Thơ, sông Hậu Giang, sông Tiền Giang làm nơi xuất phát nguồn nước ngọt chảy vào các vùng quê xa xôi, hẻo lánh hay chưa khai thác; về Tiền Giang, khu Vĩnh Long, Vĩnh Bình lấy nước ngọt từ Sa Đéc tưới ruộng vùng này cho tới Ba Động, bằng cách dự đào một con kênh dẫn nước, chính giữa cù lao Vĩnh Long, Vĩnh Bình song song với sông Tiền Giang, Hậu Giang trở ra biển Hải Nam (12).

** Các kế hoạch đầu tư tài chính, tìm kiếm viện trợ và hướng dẫn đấu thầu các công trình thủy nông.*

Bên cạnh các chương trình nghiên cứu, các dự án đào vét kênh rạch, dẫn thủy nhập điền, Chính phủ Việt Nam Cộng hòa còn phối hợp với Bộ Công chánh và Giao thông ban hành các chính sách phát triển thủy nông Tây Nam Bộ thông qua các kế hoạch đầu tư tài chính, tìm kiếm viện trợ và hướng dẫn đấu thầu các công trình thủy nông.

Trong *Bản tài chính ngân sách Quốc gia tài khóa 1957,* Chính phủ Việt Nam Công hòa đã tiến hành xây dựng ngân sách tài chính quốc gia, được Quốc hội biểu quyết ngày 20/2/1957 và Tổng thống ban hành theo luật số 8/57 ngày 4/3/1957, với tổng ngân sách là 14.159.990.000$. Bản tài chính ngân sách Quốc gia tài khóa đã xác định rõ những lĩnh vực cần phải đầu tư ngân sách để phục hồi kinh tế các địa phương, trong đó thủy nông là một trong những lĩnh vực được chú trọng cấp thiết.

Cụ thể: "Về mặt thủy nông, cần phải thực hiện công tác đắp đê hoặc dẫn thủy nhập điền nhằm mục đích gia tăng sản xuất lúa gạo... Tổng kinh phí dự định chi cho Chương trình đặc biệt về công chánh (kiểu lộ, thủy nông, vệ sinh) là 390.000.000$" (13). Điều đó có nghĩa là, Chính phủ Việt Nam Cộng hòa rất chú ý đến việc phát triển thủy nông, công lộ. Bởi sau những năm chiến tranh, các hạ tầng cơ sở ở các địa phương bị hư hỏng nặng, nền kinh tế quốc gia bị ngưng trệ nhiều, vì thế cần phải có "sự khuyếch trương mạnh mẽ". Do vậy, Chính phủ đã xây dựng *Bản tài chính ngân sách Quốc gia tài khóa năm 1957* nhằm phục hồi nền kinh tế, trong đó phần lớn ngân sách sẽ được sử dụng tại các tỉnh Nam Phần - 2/3 ngân sách (trong đó có thủy nông). Như vậy, *Bản tài chính ngân sách Quốc gia tài khóa 1957* đã tiến hành xây dựng ngân sách tài chính quốc gia tổng thể cho quốc gia, đồng thời xác định những lĩnh vực cần phải đầu tư ngân sách để phục hồi kinh tế tại các địa phương lúc bấy giờ (riêng Nam Phần sẽ chi 2/3 ngân sách cho việc phát triển thủy nông, công lộ).

Cùng với việc xây dựng ngân sách tài chính quốc gia tổng thể, Chính phủ Việt Nam Cộng hòa còn tích cực tìm kiếm nguồn đầu tư tài chính từ các quốc gia bên ngoài, cũng như sự hỗ trợ của các cơ quan, tổ chức để phát triển thủy nông ở Nam Bộ nói chung, vùng Tây Nam Bộ nói riêng.

*Tại khu Quản Lộ - Phụng Hiệp (bao gồm các tỉnh **Hậu Giang, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau**):* Theo công văn số 2269, ngày 18/12/1957, đoàn chuyên gia Hòa Lan (Hà Lan) sẽ sang Việt Nam để khảo cứu vấn đề trang bị khu Quản Lộ - Phụng Hiệp, nên Khu Thủy nông phải lập một hồ sơ tài liệu dẫn giải về vùng này và đệ trình lên Tổng Thư ký Công chánh vào ngày 24/10/1957 (phiếu số 1996.G/TN) để chuyển sang Chính phủ Hà Lan. Dựa trên bản thỏa thuận giữa hai Chính phủ (Chính phủ Việt Nam Cộng hòa và Chính phủ Hà Lan), đoàn chuyên gia Hà Lan sẽ làm việc ở vùng Tây Nam Bộ Việt Nam trong thời gian 14 tuần lễ dựa trên lịch làm việc của Bộ Công chánh và Giao thông Việt Nam Cộng hòa đề nghị. Lịch trình cụ thể như sau: Tại Sài Gòn, nghiên cứu hồ sơ trong thời gian 01 tuần; Nghiên cứu vùng Đồng Tháp Mười trong thời gian 03 tuần; Nghiên cứu vùng Cái Sắn trong thời gian 02 tuần; Nghiên cứu vùng U Minh trong thời gian 02 tuần; Nghiên cứu vùng Quản Lộ - Phụng Hiệp trong thời gian 03 tuần; và ở tại Sài Gòn lập phúc trình trong thời gian 03 tuần (14).

Tại tỉnh Ba Xuyên (nay là tỉnh Sóc Trăng): Theo công văn số 3661/CC, ngày 21/7/1959, để thi hành công tác nghiên cứu và khảo sát thủy nông ở Ba Xuyên, Quảng Ngãi và nghiên cứu tổng quát về các nguồn lợi thủy lợi cần phải viện trợ xin một khoản ngoại tệ 63.045$US. Trong đó, riêng ở Ba Xuyên sẽ tiến hành nghiên cứu và khảo sát thủy nông tại Ngân Rô (24.000$US) và Mỹ Phước (120.000$US). Nguồn kinh phí đó sẽ lấy từ các nguồn sau: 1. Xin viện trợ trực tiếp do USOM đài thọ trong chương trình 1960 (Cơ quan viện trợ kinh tế Hoa Kỳ (USOM) đã ghi trong chương trình PA.12.046 tài khóa 1960 một ngân khoản 250.000$US cho công tác nghiên cứu Master Plan); 2. Sử dụng ngoại tệ của Chính phủ Việt Nam hoặc tiền Francs residents để trả kinh phí về công tác nghiên cứu thủy nông Mỹ Phước (120.000$US); 3. Xin viện trợ Pháp một ngân khoản là 65.000$US để bồi phụ vào kinh phí 120.000$US (15).

Tại khu vực Đồng Tháp Mười (bao gồm các tỉnh Long An, Tiền Giang, Đồng Tháp): Theo *Bản phúc trình công tác vét kênh tắt Tháp Mười - Tháp Mười và trùng tu kênh*

Cái Lớn - Sông Trẹm, ngày 7/9/1959, Chính phủ Việt Nam Cộng hòa sẽ xin nguồn kinh phí thực hiện thông qua Chương trình viện trợ Mỹ. Bản phúc trình nêu rõ đơn vị thực hiện và dự trù kinh phí nạo vét, cụ thể như sau: 1. Kênh tắt Tháp Mười do xáng Bạc Liêu đảm nhận nạo vét trong thời gian 6 tháng 21 ngày, với chiều dài 12km440, thể tích thực hiện 372.439 m^3; Kênh Tháp Mười do 3 xáng Bạc Liêu, Sóc Trăng và Rạch Giá đảm nhận nạo vét trong thời gian 3 tháng 24 ngày với chiều dài 42km670, thể tích thực hiện 1.602.389 m^3. Tổng kinh phí nạo vét là 7.267.364$ (16). 2. Kênh Cái - Lớn Sông - Trẹm do 2 xáng Sóc Trăng và Cần Thơ đảm nhận trùng tu, với chiều dài 33km550, thể tích thực hiện 1.993.593 m^3. Tổng kinh phí nạo vét là 9.362.583$ (17).

Tại tỉnh Tân An (nay là tỉnh Long An): Kinh phí nghiên cứu và tài trợ kỹ thuật để phát triển dẫn thủy nhập điền tại tỉnh Tân An sẽ do Liên Hiệp quốc tài trợ. Trong bản *Dự án phát triển Thủy nông do Liên Hiệp quốc tài trợ 215.000 mỹ kim,* ngày 13/3/1974 do Bộ Canh nông gửi lên Thủ tướng Chính phủ cho biết, Liên Hiệp quốc sẽ giao cho Nha Thủy nông làm đối tác thực hiện. Liên Hiệp quốc sẽ cấp vốn cho 10 dự án thủy nông quy mô dài hạn tại Trung Phần và 3 dự án đã được tài trợ ở Bình Định, Tiền Phong Gò Công, Tân An trong khuôn khổ tái thiết và phát triển hậu chiến. Trong đó, ở Tân An, dự án sẽ tài trợ kinh phí để tiến hành nghiên cứu và tài trợ kỹ thuật nhằm mục đích phát triển dẫn thủy nhập điền (18).

Có thể thấy, trong giai đoạn 1955 - 1975, thủy nông là một trong ba phương diện quan trọng được Chính phủ Việt Nam Cộng hòa quan tâm nhằm phát triển Nam Phần Việt Nam (trong đó có Tây Nam Bộ). Bởi đường giao thông thủy bộ tiện lợi sẽ vừa "góp phần chống ngoại xâm, cùng bình định xứ sở; vừa đem lại an cư lạc nghiệp cho giống nòi" (19). Để đạt được mục tiêu đó, Chính phủ Việt Nam Cộng hòa ngay sau khi lên nắm chính quyền đã ban hành nhiều chính sách phát triển thủy nông thông qua các chương trình nghiên cứu, các dự án đào vét kênh rạch, dẫn thủy nhập điền; hoặc các kế hoạch đầu tư tài chính, tìm kiếm viện trợ và hướng dẫn đấu thầu các công trình thủy nông..., nhằm khai thác vùng đất giàu tiềm năng, đáp ứng mục tiêu kinh tế, quân sự và giao thông. Các chính sách thủy nông được ban hành thường xuyên và thực hiện đồng bộ thông qua nguồn vốn từ ngân sách Chính phủ, từ các địa phương (tỉnh), từ sự đóng góp của người dân (tiền, hoặc ngày công hoặc cả hai) và sự tài trợ của quốc tế như: tổ chức Liên Hiệp quốc hay các nước Mỹ, Hà Lan, Pháp…

3. Nhận xét

1. Thông qua những chính sách phát triển thủy nông do Chính phủ Việt Nam Cộng hòa ban hành từ năm 1955 đến năm 1975, hệ thống thủy nông vùng Tây Nam Bộ đã được tu bổ, nạo vét hoặc xây dựng mới tại rất nhiều địa bàn cụ thể thuộc các tỉnh Kiên Giang, Ba Xuyên, An Xuyên hoặc các khu vực Quản Lộ - Phụng Hiệp, Đồng Tháp Mười... Nhiều kênh trục dọc các tuyến quốc lộ và kênh cấp II, cấp III, kênh nội đồng ngang dọc khắp vùng Tây Nam Bộ được xây dựng mở rộng, nối dài, nạo vét, tu bổ để tăng lưu lượng chuyển nước, góp phần vào quá trình khai hoang, mở rộng diện tích. Bên cạnh đó, hệ thống kênh chính còn gọi là kênh cấp I ở Tây Nam Bộ còn được dùng cho việc giao thương nông sản hàng hóa và tăng cường khả năng tiêu nước vào mùa lũ; hệ thống kênh phụ (kênh cấp II, III) được dùng để

lấy nước từ các kênh chính vào, sau đó xả chua - phèn, rửa mặn ra sông lớn, đổ ra biển…, góp phần vào việc thau chua, xả phèn và rửa mặn, làm tăng độ màu mỡ của đất đai. Đồng thời, việc phát triển hệ thống thủy nông cũng làm cho ruộng đồng vùng Tây Nam Bộ được kênh lộ bao bọc xung quanh, xe cộ lưu thông dễ dàng, thuận tiện cho việc đưa máy móc xuống ruộng cày bừa, áp dụng phân bón hoá học, cải tạo giống, nâng cao sản lượng, năng suất lúa và các loại cây trồng. Nhờ vậy, Tây Nam Bộ dưới thời Việt Nam Cộng hòa, hệ thống thủy nông được hình thành dọc theo bờ biển từ Hà Tiên xuống mũi Cà Mau, qua Vũng Tàu; vừa góp phần khai thác đất đai, làm ruộng rẫy trồng cây ăn quả, cây kỹ nghệ; vừa mở rộng nhiều con đường, thiết lập chợ búa, làng mạc cho ngư phủ, luyện nghề chài lưới, khuếch trương thêm nghề hải ngư nghiệp, tạo thêm thương thuyền, mở thêm ngư cảng, hải cảng (20) góp phần làm thay đổi diện mạo kinh tế, xã hội và đời sống nhân dân vùng Tây Nam Bộ.

2. Tây Nam Bộ là địa bàn chiến lược đặc biệt quan trọng về chính trị, kinh tế, văn hóa; là "vùng cực Nam - thành đồng của Tổ quốc", cửa ngõ phía Tây Nam của quốc gia, có vị trí, vai trò đặc biệt quan trọng trong giai đoạn Chính phủ Việt Nam Cộng hòa kiểm soát chính quyền. Do vậy, ngay sau khi lên nắm chính quyền, Chính phủ Việt Nam Cộng hòa đã đặt vấn đề phát triển vùng Tây Nam Bộ trong tổng thể phát triển chung của cả nước, bảo đảm phù hợp với chiến lược phát triển chung và thống nhất với hệ thống quy hoạch quốc gia và giúp cho Chính phủ nhanh chóng kiểm soát các địa bàn chiến lược, nhất là địa bàn giáp ranh Cao Miên. Chính vì thế, phía biên giới Việt Nam - Cam Miên, hệ thống kênh đào, chiến hào, chiến lũy, đồn bốt kiên cố bao bọc được xây dựng từ Hà Tiên qua Châu Đốc, Tân Châu, Hồng Ngự, Mộc Hóa, Vàm Cỏ Tây, Vàm Cỏ Đông, Gò Dầu Hạ, Tây Ninh, Lò Gò, Katurn tới Hớn Quản…

Mặt khác, hệ thống thủy nông phát triển sẽ tạo điều kiện các cuộc hành quân được thực hiện nhanh chóng, có nhiều đường, nhiều ngõ, đi vào một tỉnh ở Tây Nam Bộ nên việc tiếp viện khá dễ dàng. "Chỗ nào cũng là chỗ thông thương qua lại, không còn hẻo lánh. Dân chúng chỗ nào cũng được bảo vệ chu đáo, không bị bỏ rơi…; mở thêm ngư cảng, hải cảng, vừa tập được thủy quân sung vào thủy đội, tuần tiểu ven biển, bảo vệ nước nhà" (21).

3. Thông qua các hoạt động đào kênh, đắp lộ, lấy đường ngay làm tiêu chuẩn tỉnh này đi ngang qua tỉnh khác đã góp phần rút ngắn quãng đường đi, rút bớt thời gian công sức. Việc thông thương, đi lại giữa các vùng, các khu vực ngày càng trở nên thuận lợi và dễ dàng hơn so với trước đây. Đặc biệt, phía biển Thái Bình Dương, ta đắp đê ven theo miền duyên hải, làm đường từ Hà Tiên, Rạch Giá xuống mũi Cà Mau qua phía mặt Gành Hào, Vĩnh Châu, Mỹ Thanh, các cù lao nhánh sông Tiền Giang, sông Nhà Bè tới Vũng Tàu; đồng thời, giải tỏa Sài Gòn - Chợ Lớn, lập thêm hải cảng, thương cảng, quân cảng miền Hậu Giang, Tiền Giang. Cụ thể như làm hải cảng tại sông Ông Đốc, thương cảng Cần Thơ cho Hậu Giang, thương cảng Vĩnh Long, Mỹ Tho cho Tiền Giang và Đồng Tháp... tạo điều kiện cho tàu bè nước ngoài dễ dàng qua lại, buôn bán trở nên thuận tiện, ít mất thì giờ, bớt sở phí vận tải, hạ được giá thành và tang khả năng cạnh tranh với thị trường ngoại quốc.

CHÚ THÍCH

(1). *Bản Kế hoạch phát triển giao thông thủy nông, công lộ, quân sự Nam Phần Việt Nam, ngày 16/11/1961,* Bộ Công chánh và Giao thông, Hồ sơ số 249, Lưu tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, tr.3.

(2). *Bản Khế ước tương thuận vét kênh Rọc - Bà-Ke ký ngày 3/5/1957*, Bộ Công chánh và Giao thông, Hồ sơ số 5192, Lưu tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II.

(3). *Công văn số 4541-CC của Bộ trưởng Công chánh và Giao thông gửi Tổng thống Việt Nam Cộng hòa*, ngày 1/10/1957, Bộ Công chánh và Giao thông, Lưu tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II.

(4). *Công văn số 4697-CC về việc vét kênh tại khu U Minh Thới Bình thuộc tỉnh An Xuyên*, ngày 9/10/1957, Bộ Công chánh và Giao thông, Hồ sơ số 20341, Lưu tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II.

(5). *Công văn số 5826-CC về Chương trình đào kênh và khai thác thủy nông tại vùng Đồng Tháp Mười*, ngày 9/12/1957, Bộ Công chánh và Giao thông, Lưu tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II.

(6). *Công văn số 5150/NTVTN về Nghiên cứu, khảo sát Thủy nông và địa chất học tại vùng Mỹ phước, tỉnh Ba Xuyên,* ngày 23/12/1959, Bộ Công chánh và Giao thông, Hồ sơ số 5762, Lưu tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II.

(7). *Bản Kế hoạch phát triển giao thông thủy nông, công lộ, quân sự Nam Phần Việt Nam, ngày 16/11/1961,* Bộ Công chánh và Giao thông, Hồ sơ số 249, Lưu tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, tr.5.

(8). *Bản Kế hoạch phát triển giao thông thủy nông, công lộ, quân sự Nam Phần Việt Nam, ngày 16/11/1961,* tlđd, tr.5.

(9). *Bản Kế hoạch phát triển giao thông thủy nông, công lộ, quân sự Nam Phần Việt Nam, ngày 16/11/1961,* tlđd, tr.4.

(10). *Chương trình phát triển Đồng bằng sông Cửu Long*, ngày 20/5/1969, Bộ Công chánh và Giao thông, Lưu tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, tr.2.

(11). *Chương trình phát triển Đồng bằng sông Cửu Long*, ngày 20/5/1969, tlđd, tr.3-4.

(12). *Bản Kế hoạch phát triển giao thông thủy nông, công lộ, quân sự Nam Phần Việt Nam, ngày 16/11/1961,* tlđd, tr.5-6.

(13). *Bản tài chính ngân sách Quốc gia tài khóa 1957*, Bộ Công chánh và Giao thông, Hồ sơ số 5500, Lưu tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, tr.1-2.

(14). *Công văn số 2269-cc, ngày 18/12/1957 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Công chánh gửi Tổng thống Việt Nam Cộng hòa,* Lưu tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II.

(15). *Công văn số 3662/CC về việc xin một khoản ngoại tệ 63.045$US để thi hành công tác nghiên cứu và khảo sát thủy nông ở Ba Xuyên và Quảng Ngãi*, ngày 21/7/1959, Bộ Công chánh và Giao thông, Lưu tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II.

(16). *Phúc trình công tác vét kênh tắt Tháp Mười - Tháp Mười và Cái Lớn Sông Trẹm thông qua Chương trình viện trợ Mỹ*, ngày 7/9/1959, Bộ Công chánh và Giao thông, hồ sơ số 11574, Lưu tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, tr.1-4.

(17). *Phúc trình công tác vét kênh tắt Tháp Mười - Tháp Mười và Cái Lớn Sông Trẹm thông qua Chương trình viện trợ Mỹ*, ngày 7/9/1959, tlđd, tr.5-7.

(18). *Hồ sơ thực hiện các Dự án phát triển Thủy nông do Liên Hiệp quốc và Ngân hàng phát triển á Châu tài trợ năm 1972 - 1975*, Hồ sơ số 29080, Phủ Thủ tướng, Lưu tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, tr.15-17.

(19). *Bản Kế hoạch phát triển giao thông thủy nông, công lộ, quân sự Nam Phần Việt Nam, ngày 16/11/1961,* tlđd, tr.4.

(20). *Chương trình hoạt động tu chỉnh kênh Cái Sắn và vét kinh Rọc Bà Ke*, 10/1961, Bộ Công chánh và Giao thông, Hồ sơ số 1592, Lưu tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, tr.13.

(21). *Chương trình hoạt động tu chỉnh kênh Cái Sắn và vét kinh Rọc Bà Ke*, 10/1961, tlđd, tr.13.